

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Luận

Ông Phạm Văn Khuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1989. HKTT: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Khoa, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, quyền số 01/2007 ngày 01/9/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì vợ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp, ông K không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế để chăm lo gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột kéo dài. Do đó vợ chồng không còn sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm và chăm sóc cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên

nhủ, nhưng không thể hàn gắn được. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 06/2021 đến nay. Trong suốt thời gian dài sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên bà N yêu cầu được ly hôn với chồng bà là ông Nguyễn Ngọc K.

- *Về con*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà N ông K có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày: 23/9/2008 và Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 12/4/2010 Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu D và cháu Kh do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Vì vậy khi vợ chồng ly hôn, bà N có nguyện vọng và yêu cầu được Tòa án giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Trường hợp được quyền nuôi con, bà N không yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn ông K và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, cụ thể: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập đương sự làm việc, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn K vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N có đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Ngọc đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Căn cứ lời trình bày của bà Ngọc và kết quả xác minh tại địa phương (BL 24) có xác nhận của UBND xã Long Hà thì có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N; giao các con chung chung bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng; về tài sản, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Ngọc K có đăng ký thường trú, cư trú tại địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn Nguyễn Ngọc K đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông K.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng, đủ điều kiện về kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tân, huyện Phú Riềng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, quyền số 01 năm 2007 ngày 01/9/2007. Do đó quan hệ vợ chồng xác lập giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà N, vợ chồng bà N và ông K phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa được nên bà N và ông K đã sống ly thân tháng 6/2021 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự, chăm sóc cho nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích cho bà N các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với bà N nên cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự (BL 24) theo cung cấp thông tin có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Long Hà xác định: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà N ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên hai vợ chồng sống ly thân kéo dài. Điều này cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà N ông K đã đến mức trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

[2.1] Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày: 23/9/2008 và Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 12/4/2010. Khi vợ chồng ly hôn, bà N có nguyện vọng và yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, cháu D và cháu Kh do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã

lấy lời khai của các con chung theo đó thời gian chung sống với bà Ngọc các con chung đều được quan tâm, chăm sóc phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và nguyện vọng các cháu đều mong muốn được sống với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không văn bản có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N giao các con chung cho bà Ngọc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Ngọc phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc K.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Ngọc K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con: Giao các con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày: 23/9/2008 và Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 12/4/2010 cho bà Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015961, ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Hùng Dũng